

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Minh Thu

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Minh Thu

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Minh Thu

Mã SV: 1412401274

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2018 của Công ty TNHH vận tải Trường Thái

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường Đại học Dân lập Hải phòng

Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 14 tháng 10 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 4 tháng 1 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Minh Thu

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2020

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2 Nhiệm vụ của của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3.1 Doanh thu	3
1.1.3.2 Chi phí	5
1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	8
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng	8
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán	10
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	12
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	14
1.2.3.1 Chứng từ sử dụng	14
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng	14
1.2.3.3 Phương pháp hạch toán	15
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.4.1 Chứng từ sử dụng	17

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng	17
1.2.4.3 Phương pháp hạch toán	17
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	19
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	19
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	19
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	19
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	22
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	22
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	22
1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	24
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	25
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	26
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	28
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	30
CHƯƠNG 2.....	33
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI.....	33
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI	33
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	33
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty	34
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái ...	37
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	37
2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	38
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	39
2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán	39
2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính.....	40
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI.....	41
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	41

2.2.1.1 Nội dung doanh thu của công ty	41
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng	41
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng	41
2.2.1.4 Quy trình hạch toán.....	41
2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng.....	48
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán	48
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng	48
2.2.2.3 Tài khoản sử dụng	48
2.2.2.4 Quy trình hạch toán.....	49
2.2.2.5 Ví dụ minh họa.....	49
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	54
2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	54
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng	54
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng	54
2.2.3.4 Quy trình hạch toán.....	55
2.2.3.5 Ví dụ minh họa.....	55
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.4.2 Chứng từ sử dụng	59
2.2.4.3 Tài khoản sử dụng	59
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.....	59
2.2.4.5 Ví dụ minh họa.....	60
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	65
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	70
2.2.6.1 Nội dung xác định kết quả kinh doanh	70
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng	70
2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.....	70
2.2.6.4 Quy trình hạch toán.....	71

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI
..... 80

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI..... 80

3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	82
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI.....	82
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	82
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	83
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	83
3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán	84
3.2.4.2 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	86
3.2.4.3 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng tại công ty.....	90
KẾT LUẬN	93

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt nam cũng đã hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một quốc gia muốn phát triển thì không còn con đường nào khác là phải hòa nhập. Kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mở, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp đã phát triển rất đa dạng và mạnh mẽ, bước đầu tham gia vào thương trường quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, một trong những biện pháp được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm hiện nay là công tác kế toán tài chính.

Trong công tác quản lý kinh tế thì công tác kế toán là một công cụ quản lý quan trọng của doanh nghiệp, với những thông tin mà kế toán cung cấp thì các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tình hình quản lý của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng có thể phân tích và đánh giá được tình hình sử dụng vốn, lao động và các nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, qua đó có thể sử dụng hợp lý hơn và tiết kiệm được nguồn lực mà vẫn tăng được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài ra có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH vận tải Trường Thái em xin trình bày bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

• **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

• **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái.**

• **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái**

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP
VỪA VÀ NHỎ****1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán:* là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với

doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 - “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương ứng đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh:* là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{từ hoạt} & = & \text{bán hàng và} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{bán, Chi phí} \\ \text{động SXKD} & & \text{cung cấp dịch} & & \text{doanh thu} & & \text{quản lý KD} \\ & & \text{vụ} & & & & \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & = & \text{Doanh thu hoạt động tài chính} & - & \text{Chi phí tài} \\ \text{tài chính} & & & & \text{chính} \end{matrix}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511* - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ **Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- **Kết cấu**

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;

- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước;

- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

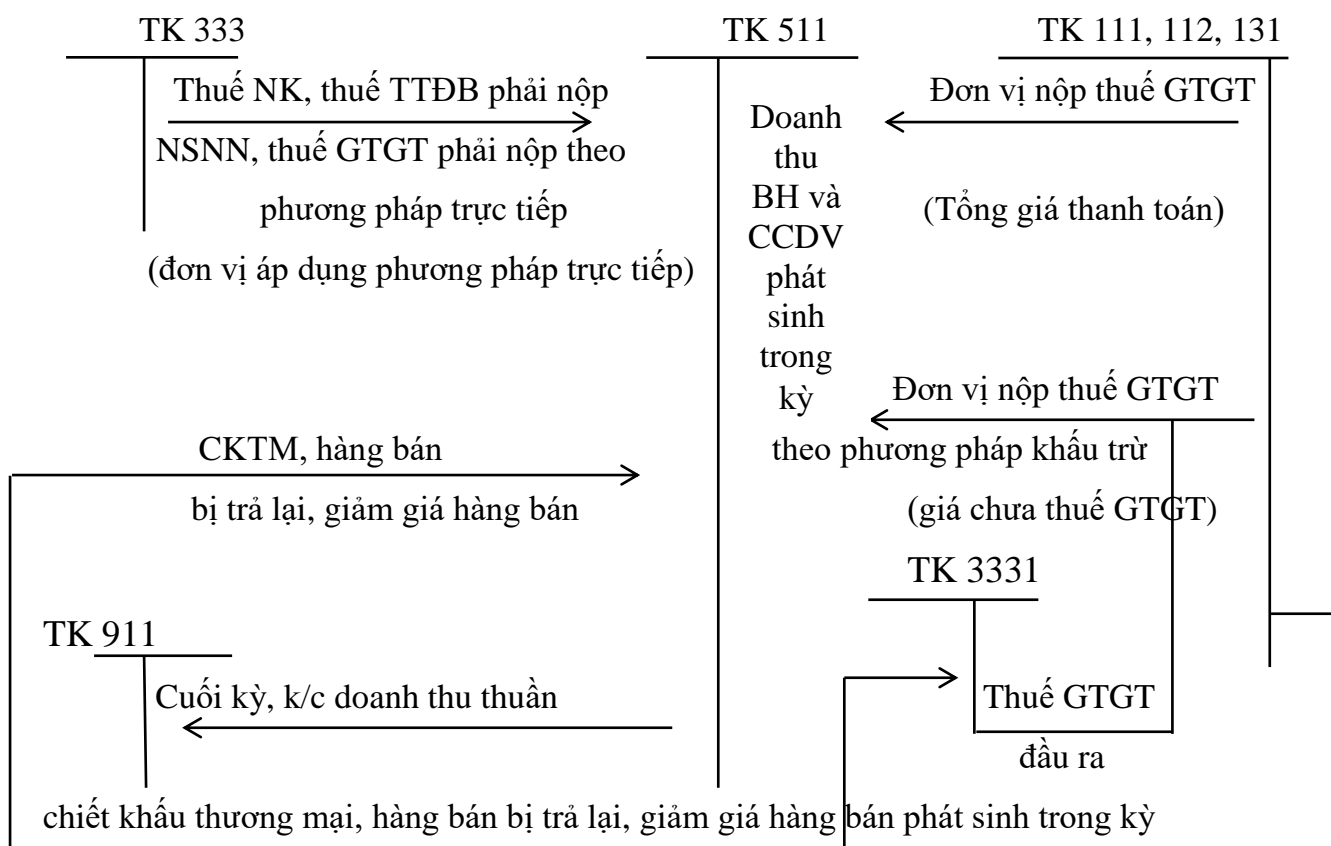
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoát thu nhưng chưa thực hiện việc thoát thu.

❖ *Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp;
- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 632** - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

• **Kết cấu**

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

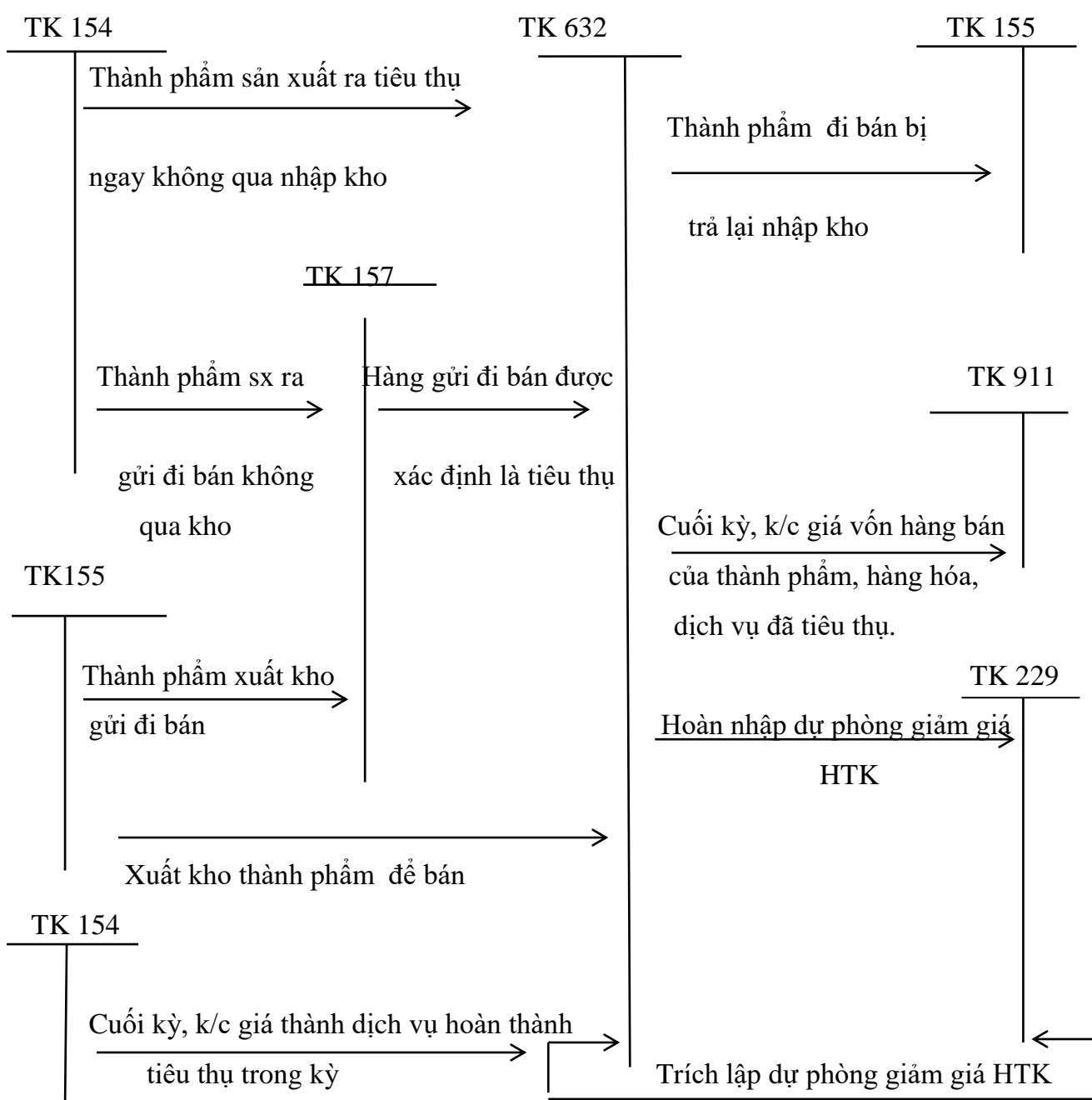
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

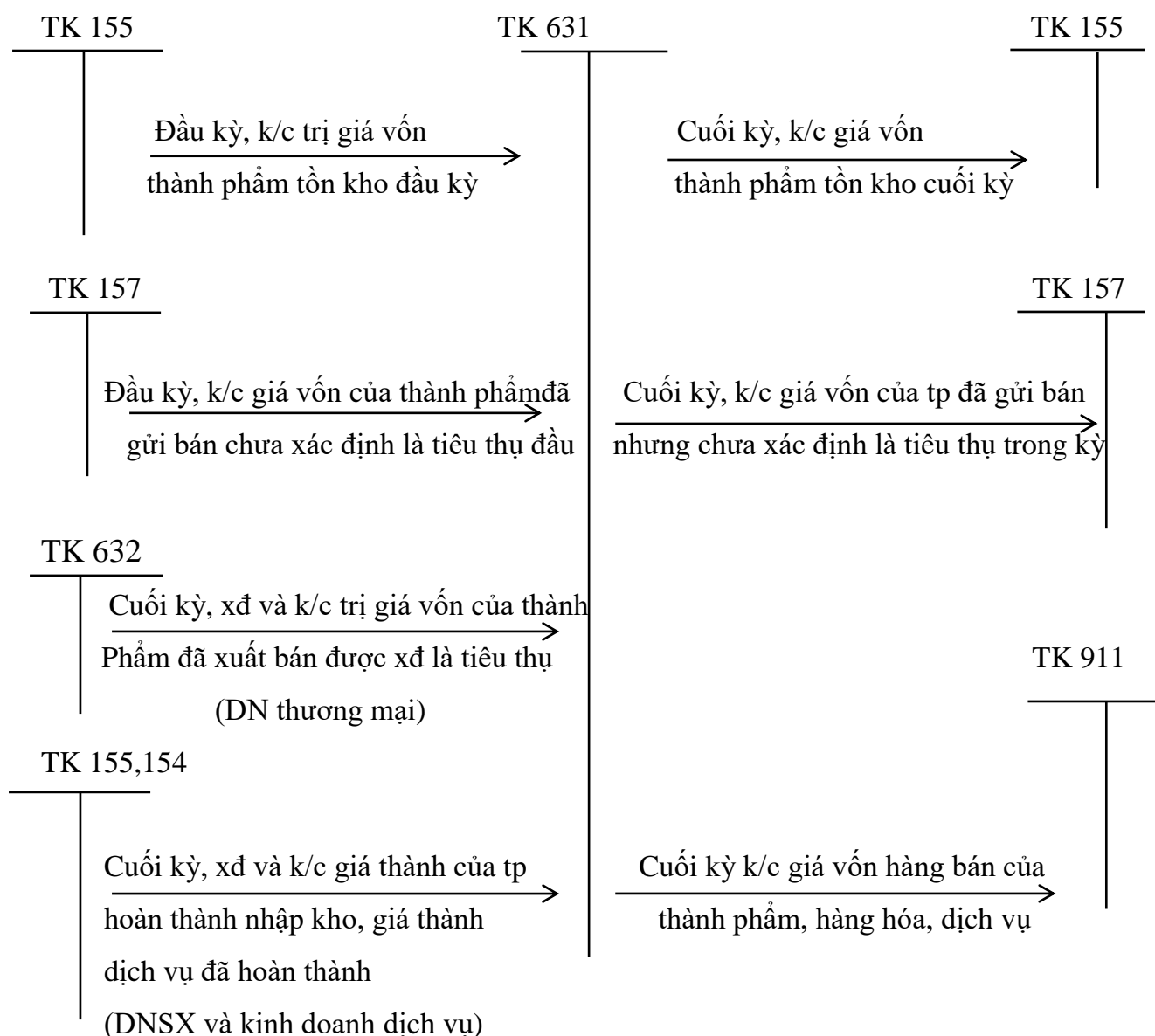
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515** - Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 -

“Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 635** - Chi phí tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;

- Lỗ bán ngoại tệ;

- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

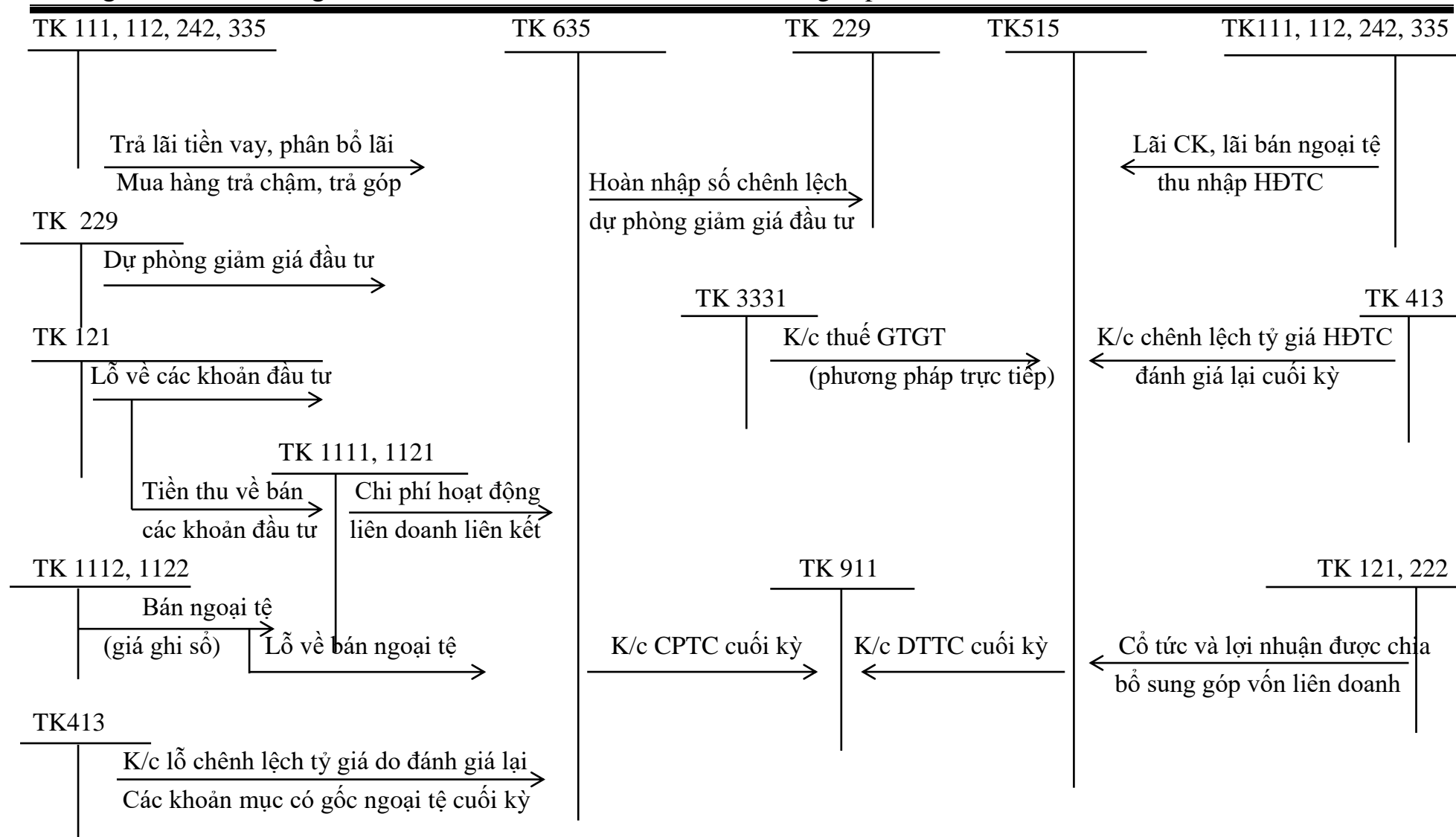
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 642* - Chi phí quản lý kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

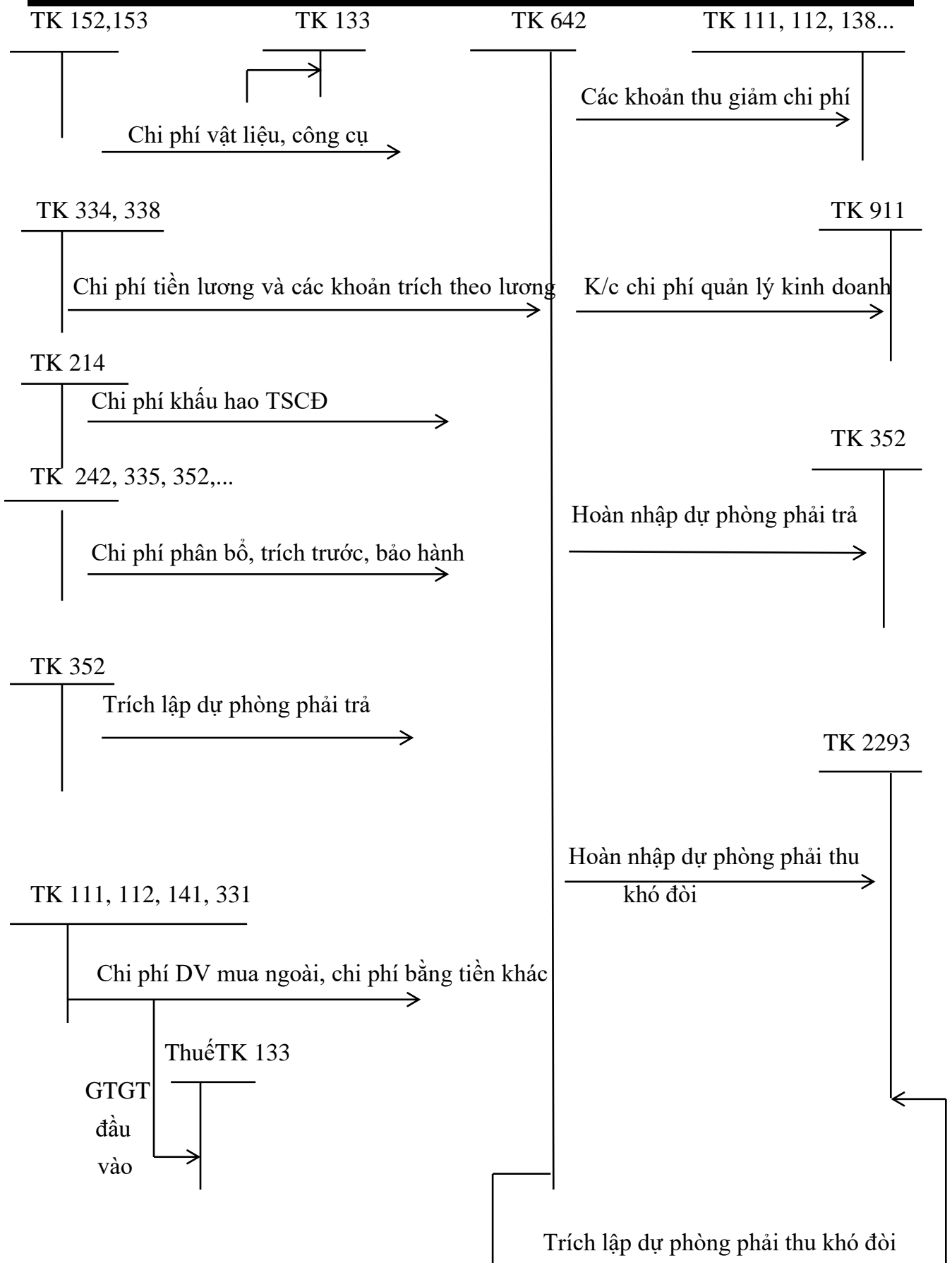
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 711* - Thu nhập khác

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 811* - Chi phí khác

- Kết cấu

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

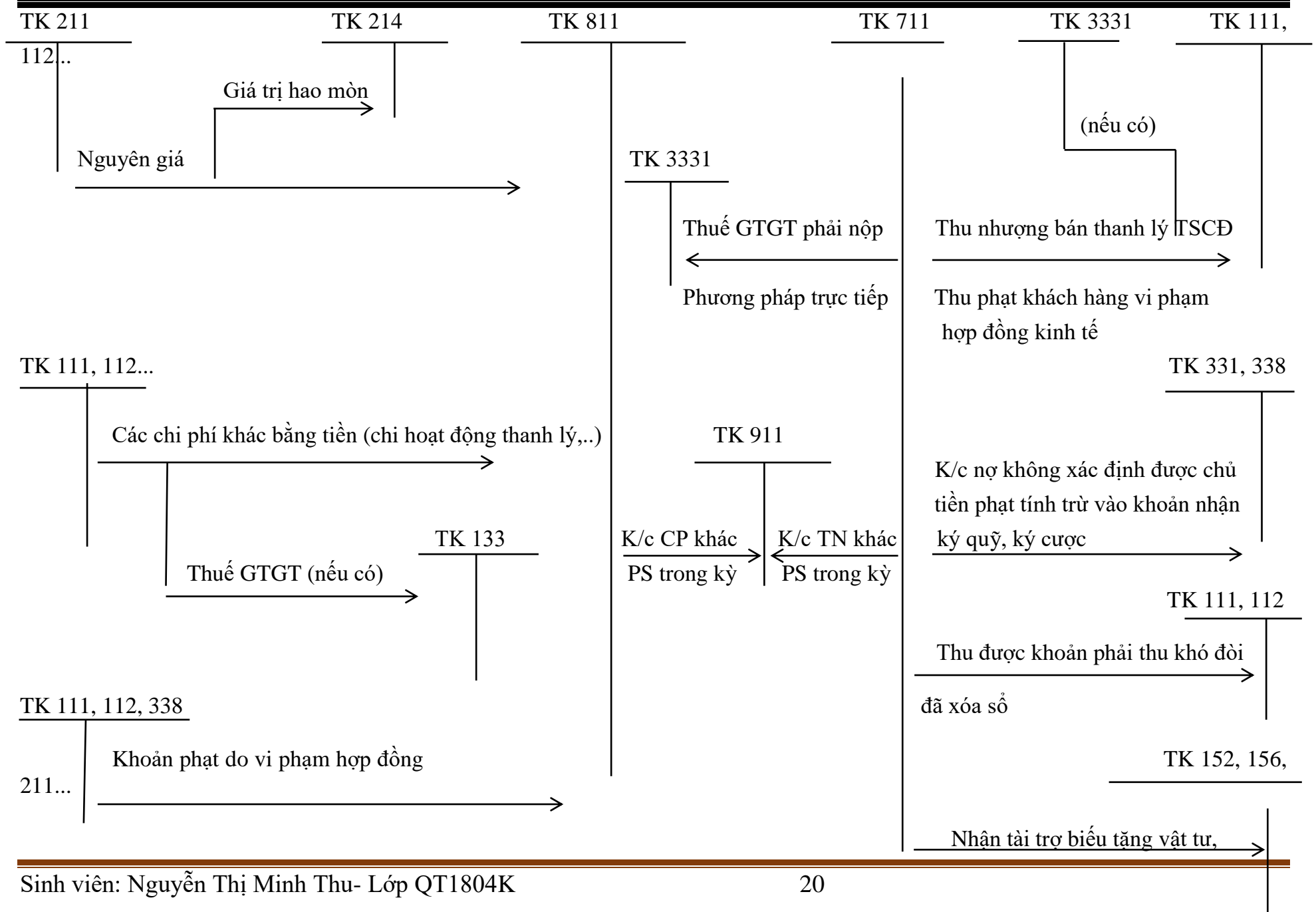
Bên có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 911** - Xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

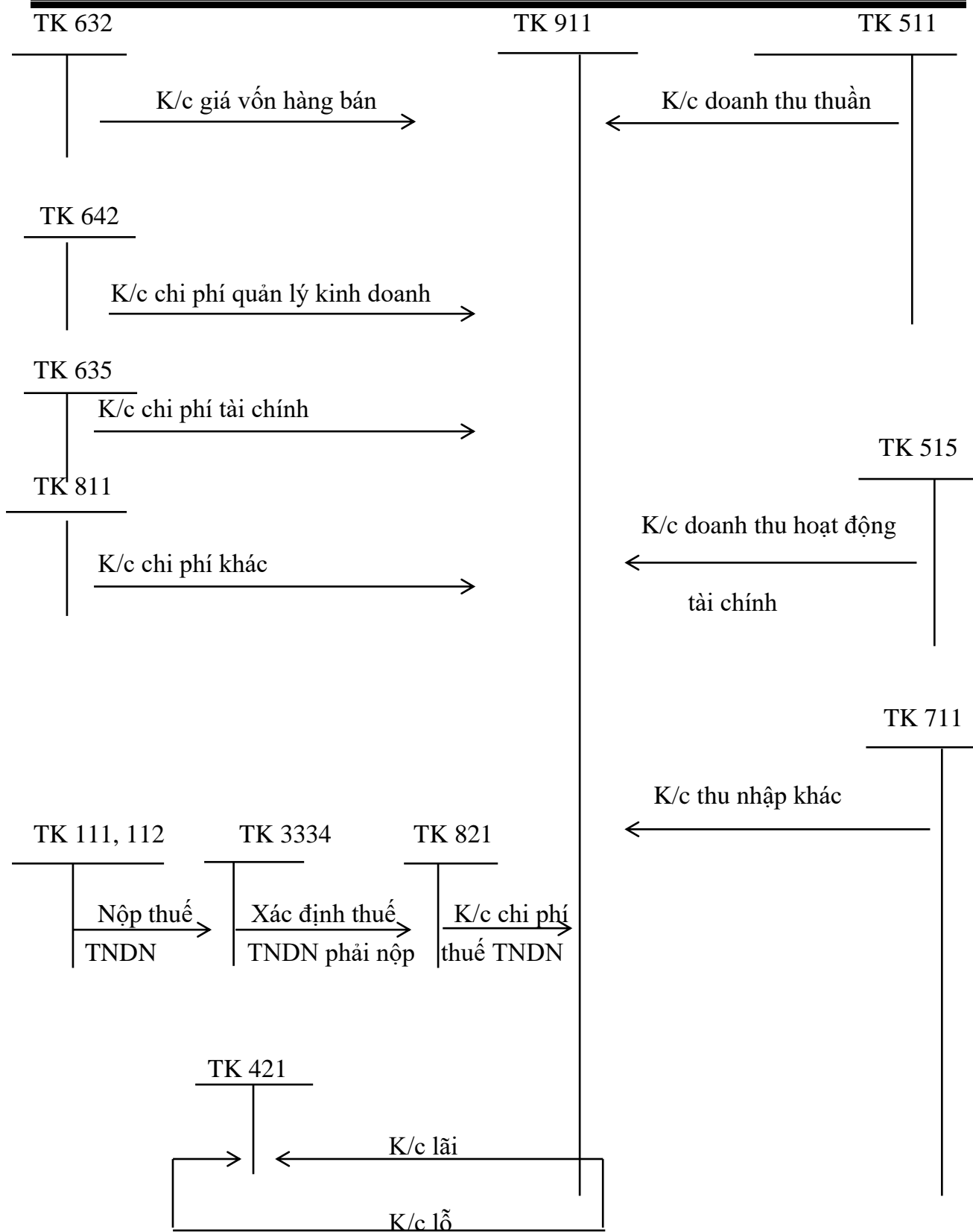
Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

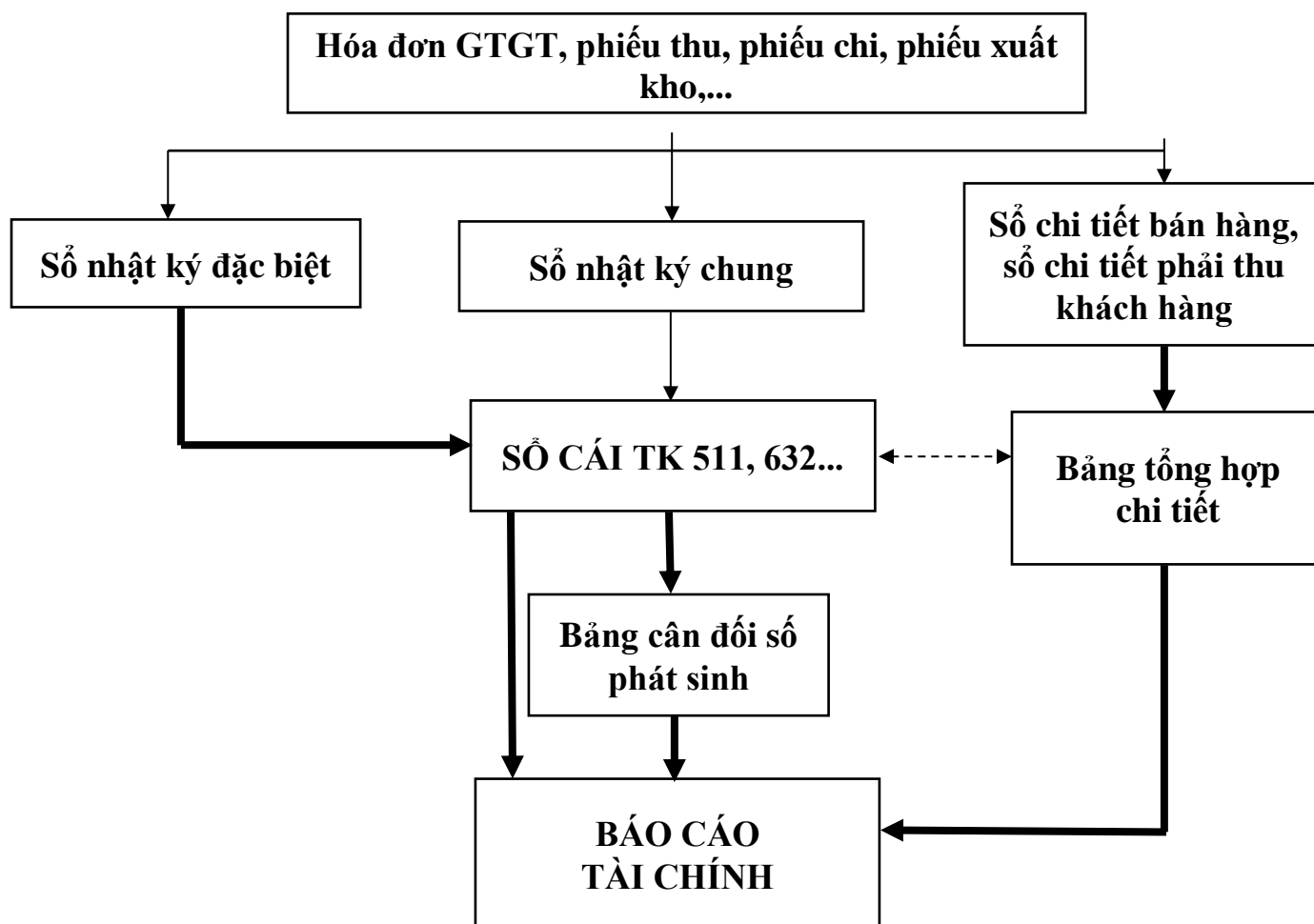
Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: - - - - ->

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

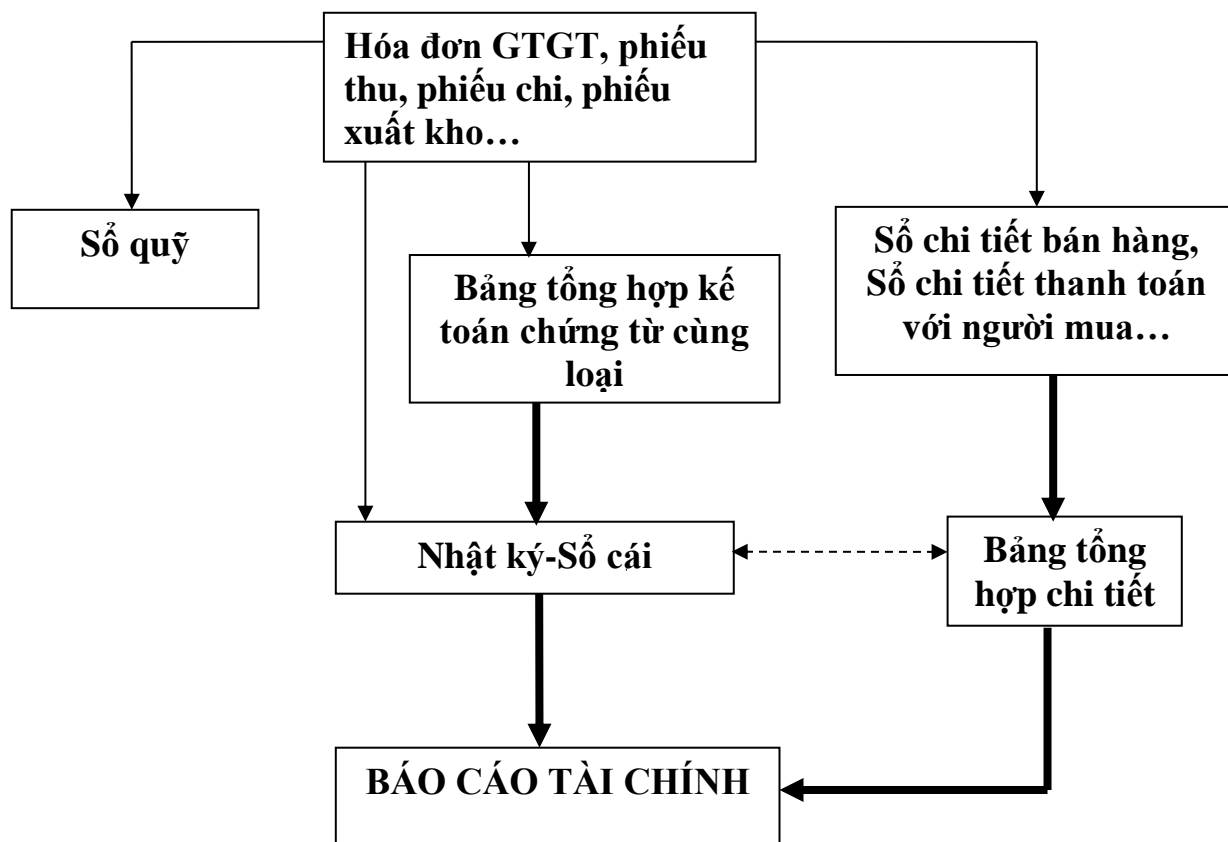
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chúng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

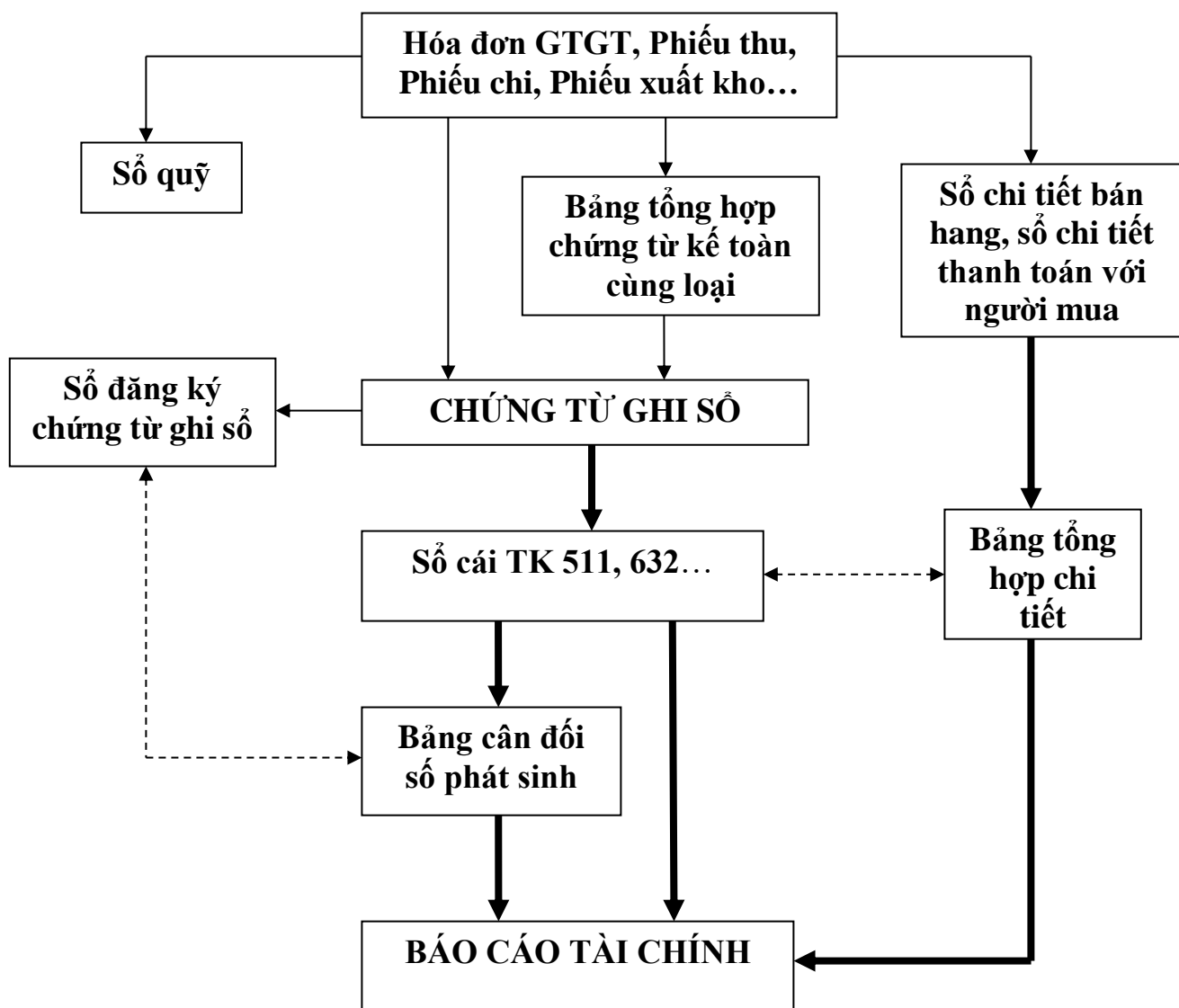
(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“phát sinh” ở phần} & = & \text{nợ của tất cả các} & = & \text{có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & & \text{Tài Khoản} & & \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

Hình thức hệ toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

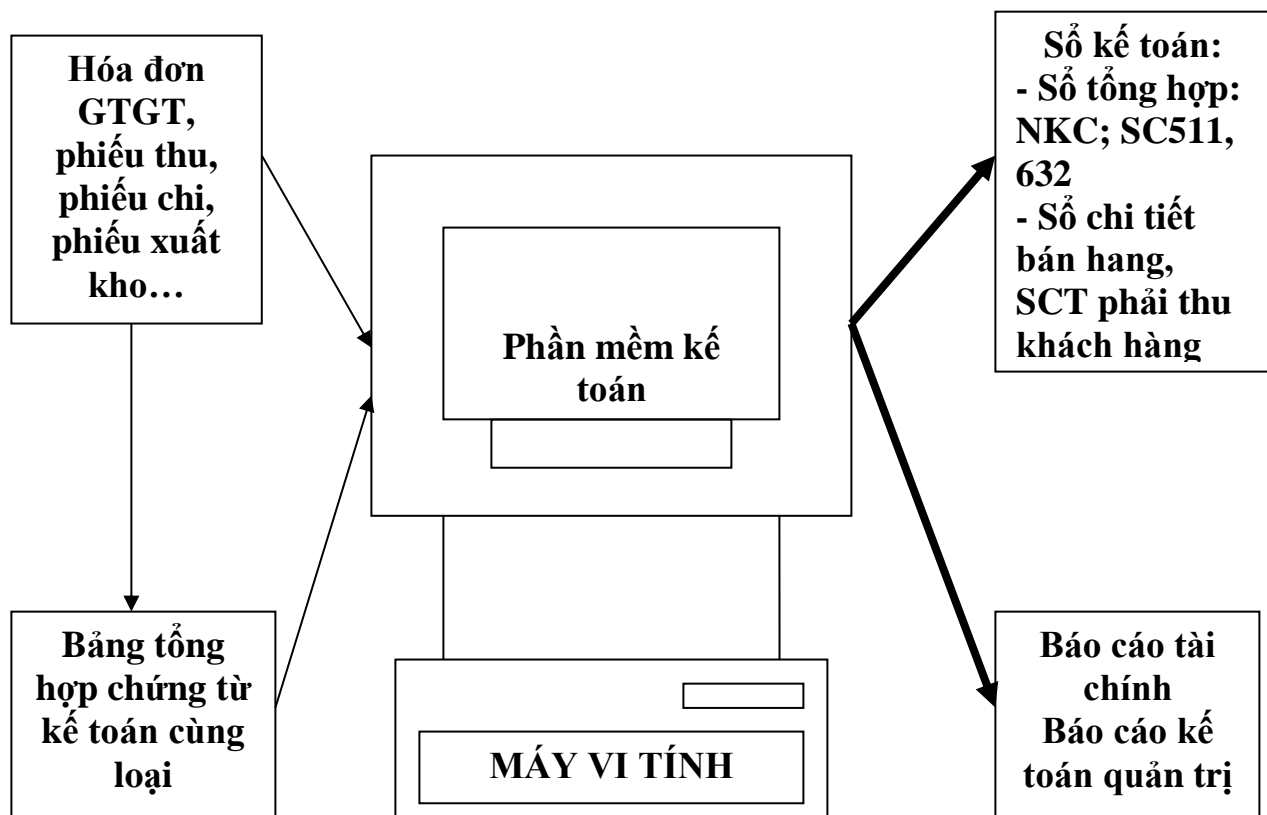
(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashleftarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI****2.1 Khái quát chung về công ty TNHH vận tải Trường Thái****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH vận tải Trường Thái là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh. Công ty được thành lập vào ngày 15 tháng 08 năm 2006 với tên gọi và trụ sở như sau :

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI.
Tên giao dịch	: TRUONG THAI TRANSPORT COMPANY LIMITED
Địa chỉ	: Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Mã số thuế	: 0200683441
Vốn điều lệ	: 1.000.000.000
Số điện thoại	: 0225 3 797338
Quy mô	: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Là Công ty TNHH được thành lập ngày 15/08/2006 trên cơ sở vốn góp của các thành viên. Những ngày đầu mới thành lập công ty gặp rất nhiều khó khăn SX kinh doanh đa dạng ngành nghề từ kinh doanh máy móc thiết bị, dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị công trình vận tải thủy bộ, dịch vụ lai dắt, môi giới hàng hải, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương. Trải qua quá trình hoạt động kinh doanh đa dạng ngành nghề từ đầu năm 2008 ban lãnh đạo Công ty TNHH vận tải Trường Thái đã đưa ra chiến lược kinh doanh mới tận dụng những kinh nghiệm kiến thức và những quan hệ có được của các thành viên Công ty trong lĩnh vực vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực này.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là:

Hiện nay công ty chủ yếu hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ.

Ngoài ra, Công ty TNHH vận tải Trường Thái hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác:

- + Dịch vụ giao nhận hàng hóa
- + Kê khai thuế hải quan
- + Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa
- + Dịch vụ nâng cầu hàng hóa
- + Dịch vụ đại lý
- + Bốc xếp hàng hóa
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- + Cho thuê ô tô
- + Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển, viễn dương

* Thuận lợi của Công ty:

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt
- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp
- Cơ sở vật chất tốt như: xe đời mới, phương tiện ổn định.
- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

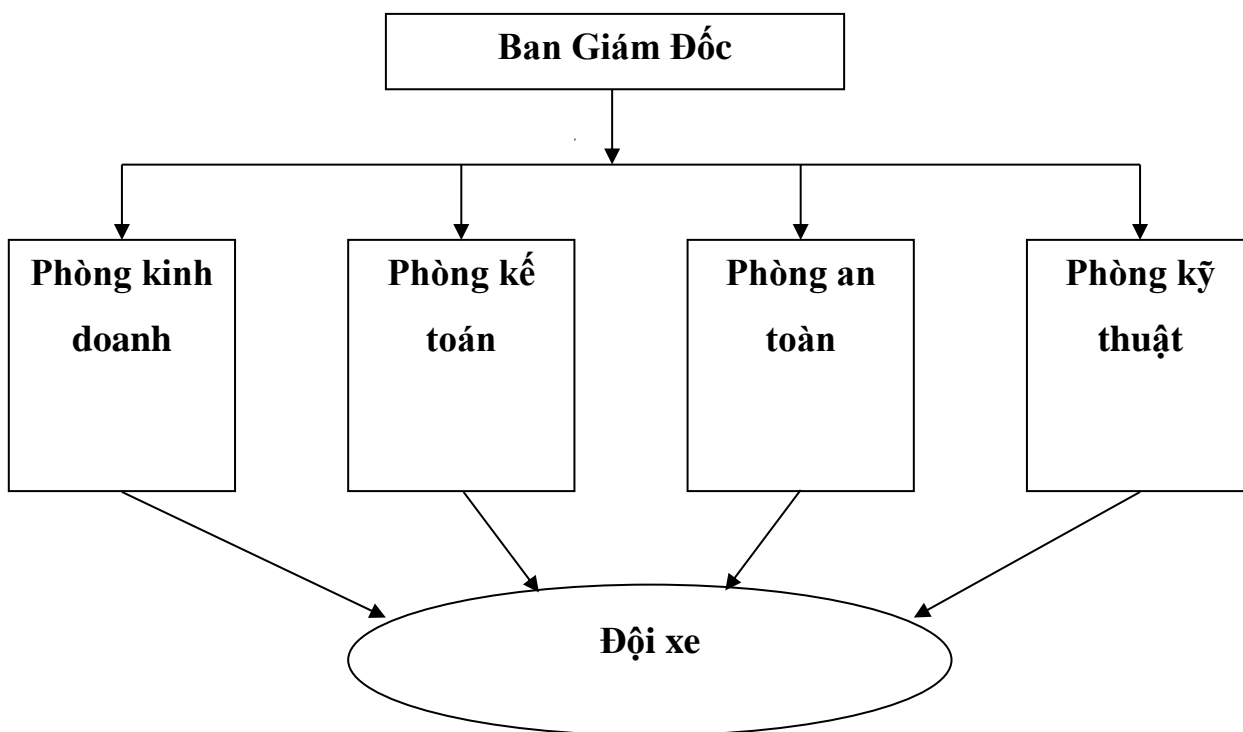
* Khó khăn:

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc trong việc tuyển lái xe.
- Nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
- Giá xăng dầu tăng làm cho chi phí của công ty tăng

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng với phương

châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

Ban giám đốc:

*** Chức năng và nhiệm vụ chính của Giám đốc:**

- Quyết định đến tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty
- Tổ chức thực hiện các quyết định
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Phụ trách nhân sự.
- Quyết định lương, phụ cấp đối với người lao động trong Công ty.

*** Chức năng và nhiệm vụ chính của Phó giám đốc:**

- Thay mặt cho tổng giám đốc trong một số trường hợp nhất định, thay mặt giám đốc trực tiếp chỉ đạo và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tư vấn cho giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Dưới sự điều hành của Ban giám đốc là các: trưởng phòng ban, phó phòng và nhân viên.

*** Chức năng nhiệm vụ của phòng kinh doanh:**

- Xây dựng kế hoạch và phương án SXKD cho đội xe của Công ty.
- Khai thác hàng hoá cho đội xe.
- Tìm kiếm khách hàng, thị trường, tham mưu cho Ban giám đốc trong lĩnh vực hoạt động vận tải hàng hóa. Triển khai nghiệp vụ chuyên môn theo sự phân công của Ban giám đốc.

- Nghiên cứu xây dựng các hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hợp đồng thuê xe trong nước.

- Triển khai việc thực hiện hợp đồng sau khi đã ký kết.
- Hướng dẫn xe thực hiện an toàn hiệu quả chuyến đi.
- Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho xe, thu cước từ chủ hàng.
- Giải quyết tranh chấp phát sinh từ phía chủ hàng.
- Là đầu mối giao dịch của Công ty với các đối tác trong nước cũng như nhận thông tin khác từ các đối tác, cho các phòng ban khác trong Công ty.

*** Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán:**

- Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng và huy động vốn một cách có hiệu quả.

- Tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán trong Công ty.
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của Công ty.
- Thông qua quản lý tiền, giám sát việc thực hiện chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước tại Công ty.

- Quản lý và chịu trách nhiệm về toàn bộ các giấy tờ có tính pháp lý liên quan đến phòng kế toán.

*** Chức năng nhiệm vụ của phòng an toàn**

- Triển khai các biện pháp và duy trì việc thực hiện hiệu quả an toàn theo luật an toàn giao thông cho cả Công ty và đội xe.

- Hỗ trợ an toàn kỹ thuật, hỗ trợ khai thác.
- Phụ trách vấn đề nguồn nhân lực cho đội xe (kiểm tra chất lượng đầu vào của đội ngũ lái xe trước khi đưa xuống các xe).

****Chức năng nhiệm vụ của phòng kỹ thuật***

- Xây dựng kế hoạch sử dụng phụ tùng, vật tư, nhiên liệu; kế hoạch sửa chữa của đội xe Công ty.
- Xây dựng các định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu và sửa chữa trình Ban giám đốc. Lập kế hoạch sửa chữa hàng tháng- quý- năm cho đội xe.
- Kiểm tra, theo dõi định kỳ về tình trạng kỹ thuật của đội xe. Tham mưu giúp Ban giám đốc trong lĩnh vực kỹ thuật, cung cấp vật tư, nhiên liệu, sửa chữa cho đội xe.
- Mua sắm và cấp phát vật tư cho đội xe.

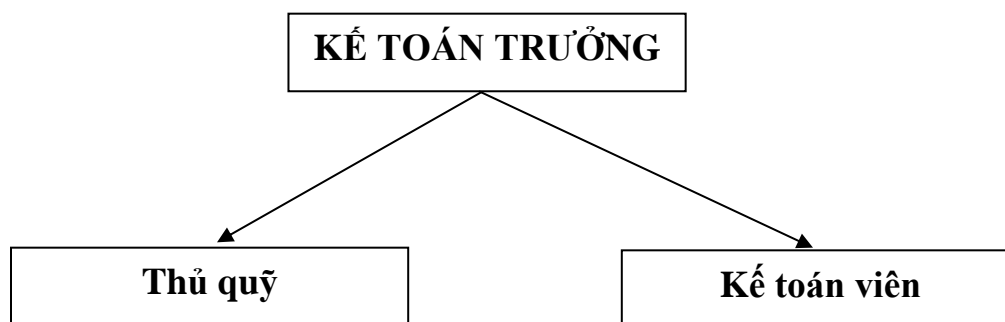
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy kế toán có nhiệm vụ thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận. Trong phòng, kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán của Công ty.

Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: các khoản công nợ phải thu phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí phát sinh của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất. Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu nhập xử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

Kế toán viên: Có trách nhiệm theo dõi tất cả số liệu kế toán tiền mặt, công nợ phải thu, phải trả, kế toán kết quả hoạt động vận tải và các chi phí phát sinh.... để có thể cung cấp thông tin một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc.

Thủ quỹ: Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- *Niên độ kế toán* : Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng* : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

- *Phương pháp tính thuế GTGT* : Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- *Phương pháp tính giá xuất kho*: Bình quân liên hoàn
- *Phương pháp khấu hao tài sản cố định*: Phương pháp khấu hao đường thẳng
- *Hình thức kế toán*: Hình thức sổ kế toán mà Công ty đã và đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

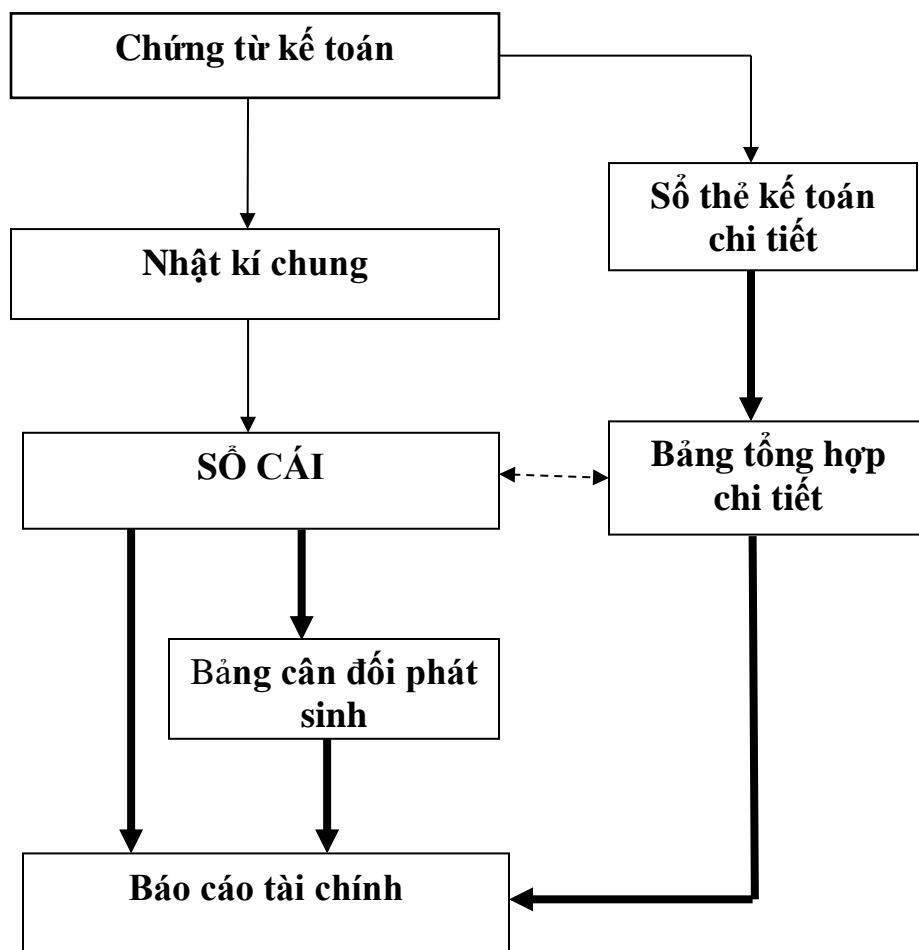
2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính, hệ thống chứng từ của công ty sử dụng theo đúng quyết định của Bộ Tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào Sổ cái các tài khoản, từ Sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH vận tải Trường Thái được khái quát theo sơ đồ như sau:



Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty
Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống Báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính (B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09-DNN)

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CT TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

2.2.1.1 Nội dung doanh thu của công ty

Công ty TNHH vận tải Trường Thái là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, do đó công ty có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các dịch vụ như hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương,..

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 3331 - “Thuế GTGT đầu ra”
- TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các tài khoản khác.

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

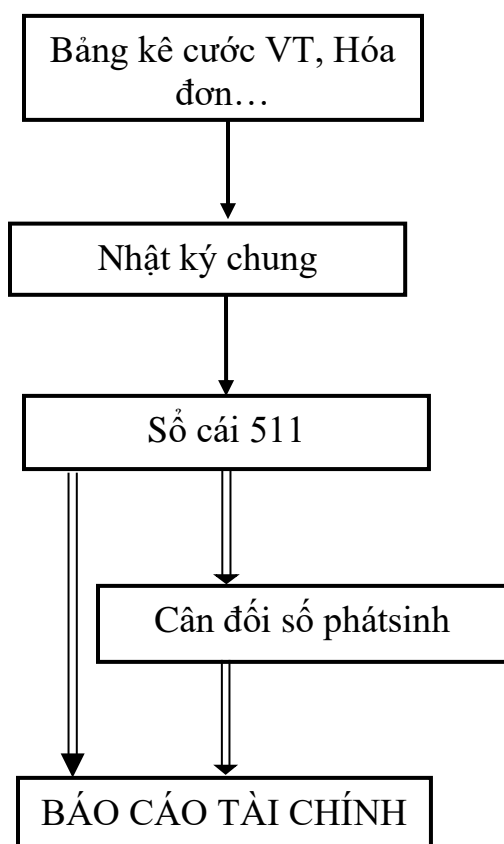
Khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng kế toán lập hợp đồng cung cấp dịch vụ. Sau khi hợp đồng được ký thì công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng khi hoạt động cung cấp dịch vụ hoàn thành, kế toán sẽ lập bảng kê chi tiết cước vận tải đồng thời lập hóa đơn GTGT về cung cấp dịch vụ.

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

+ Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

+ Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi số kế toán doanh thu tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 112, 511, 333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh kế toán. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

VD: Từ bảng kê cước vận chuyển số 5/12/2018/TT-VP kế toán lập Hóa đơn 0000814 ngày 03/12/2018, phí vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp từ HP – Bắc Ninh, số tiền cả thuế GTGT là 72.626.400, khách hàng chưa trả tiền

Nợ TK131 : 72.626.400

Có TK511 : 66.024.000

Có TK 3331 : 6.602.400

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết TK131

Biểu 2.1a: Bảng kê cước vận chuyển

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN SỐ 5/12/2018/TT-VP
(Kèm theo HĐGTGT số 814 Ngày 3 tháng 12 năm 2018)

Stt	Ngày giao	Số xe	Tuyến đường vận chuyển	Cân tại nhà máy	Đơn giá cước	Thành tiền	Ghi chú
1	03/12/2018	15LD-005.59	Hải phòng-Bắc Ninh	30,920	210	6,493,200	
2	03/12/2018	15C-192.79	Hải phòng-Bắc Ninh	32,330	210	6,789,300	
3	03/12/2018	15C-211.33	Hải phòng-Bắc Ninh	32,020	210	6,724,200	
4	03/12/2018	15LD-005.77	Hải phòng-Bắc Ninh	31,130	210	6,537,300	
5	03/12/2018	15C-200.51	Hải phòng-Bắc Ninh	31,545	210	6,624,450	
6	03/12/2018	15C-022.08	Hải phòng-Bắc Ninh	31,350	210	6,583,500	
7	03/12/2018	15C-150.70	Hải phòng-Bắc Ninh	30,730	210	6,453,300	
8	03/12/2018	15C-132.68	Hải phòng-Bắc Ninh	31,690	210	6,654,900	
9	03/12/2018	15LD-005.77	Hải phòng-Bắc Ninh	31,100	210	6,531,000	
10	03/12/2018	15C-211.33	Hải phòng-Bắc Ninh	31,585	210	6,632,850	
Tổng cộng				314,400		66,024,000	
Thuế GTGT (10%)						6,602,400	
Tổng số tiền thanh toán						72,626,400	

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi hai triệu sáu trăm hai sáu nghìn bốn trăm đồng./.

Ghi chú: đơn vị tính lượng kg, đơn giá tính cước là 210đ/kg

Biểu 2.1b: Hóa đơn GTGT số 814

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 03 tháng 12 năm 2018</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/17B Số: 0000814</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải Trường Thái MST: 0200683441 Địa chỉ: Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 0225 3 797338 Fax: Số TK: Tại:</p>					
<p>Họ và tên người mua hàng: Đơn vị: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp MST: 2300239628 Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Tiên Dư – Bắc Ninh Hình thức thanh toán: Số tài khoản:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển lô thép từ HP đến Bắc Ninh (kèm theo bảng kê 5/12/2018)				66.024.000
Cộng tiền hàng:					66.024.000
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:					6.602.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					72.626.400
Số tiền viết bằng chữ: Bảy hai triệu sáu trăm hai sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn					
<p>Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
29/11	HD 000789	29/11	V/c thép cho công ty Hưng Thành	131		59.950.000	
					511		54.500.000
					333		5.450.000
30/11	HD 000790	30/11	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	131		92.950.000	
					511		84.500.000
					333		8.450.000
3/12	HD 000814	03/12	V/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	131		72.626.400	
					511		66.024.000
					333		6.602.400
						
6/12	GBC21 3	06/12	Cty Việt Pháp thanh toán phí vận chuyển thép	112		72.626.400	
					131		72.626.400
	
			Cộng chuyển sang trang			
			Cộng phát sinh			43.876.797.692	43.876.797.692

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.2: Nhật ký chung

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511, sổ cái TK131
Biểu 2.3: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô
 Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
	
29/11	HĐ 000789	29/11	Tiền v/c thép cho công ty Thành Hưng			131		54.500.000
30/11	HĐ 000790	30/11	Tiền v/c thép cho công ty Hàn – Việt			131		84.500.000
	
3/12	HĐ 000814	03/12	Tiền v/c thép cho công ty Việt - Pháp			131		66.024.000
4/12	HĐ 000815	04/12	Tiền v/c thép cho công ty Hải Long			131		196.050.036
	
			Cộng số phát sinh				10.174.574.356	10.174.574.356
			SDCK					

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ. Do đó tại công ty TNHH vận tải Trường Thái toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải như xăng, tiền lương lái xe, khấu hao xe,... đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

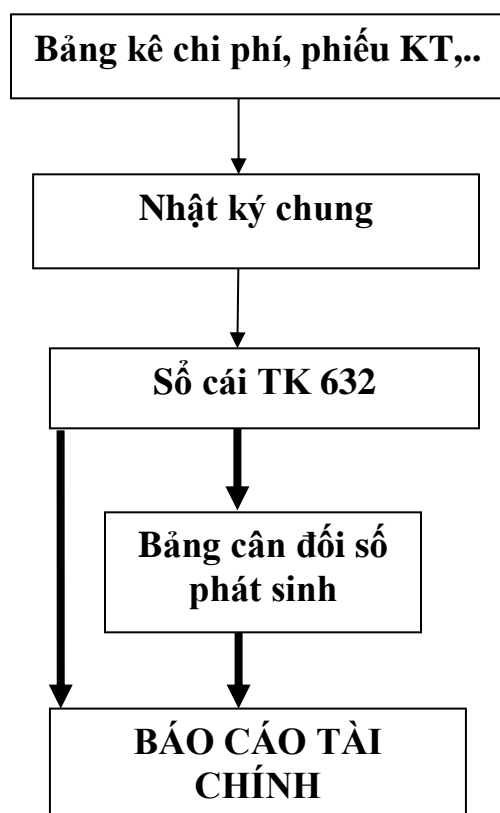
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng kê các chi phí
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 154: chi phí SX
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 152, 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

VD: trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động vận tải hàng hóa thì kế toán lập bảng kê các chi phí phát sinh theo mỗi hợp đồng vận tải như xăng, phí cầu đường,..và các chi phí phát sinh khác như bảo hiểm xe, khấu hao xe,.. sau đó ghi vào Nhật Ký chung và sổ cái TK 154. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 154 kế toán lập phiếu kê toán 120 và thực hiện bút toán kết chuyển ghi:

Biểu 2.4: Nhật ký chung

Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng			Mẫu số S03a - DNN (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)				
NHẬT KÝ CHUNG Năm 2018							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
1/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	154		6.936.364	
				133		693.636	
					111		7.630.000
1/12	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 15A-3067	154		3.303.000	
				133		324.300	
					111		3.627.300
			
31/12	PKT120	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		9.707.635.461	
					154		9.707.635.461
31/12	PKT124	31/12	K/C giá vốn dịch vụ	911		9.707.635.461	
					632		9.707.635.461
						
			Cộng chuyển sang trang				
			Cộng phát sinh			43.876.797.692	43.876.797.692
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Ngày tháng năm Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154

Biểu 2.5: Sổ cái TK 154

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô
Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SĐBK			
					
1/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	111	6.936.364	
1/12	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	111	3.303.000	
	
31/12	BPBKH 12	31/12	Trích KH tháng 12	214	150.041.654	
31/12	PK120	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		9.707.635.461
			Cộng số phát sinh		9.707.635.461	9.707.635.461
			SĐCK			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Phiếu kế toán

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2018

Số 120

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C giá vốn dịch vụ	632	154	9.707.635.461
	Cộng			9.707.635.461

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12	PKT120	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	154	9.707.635.461	
31/12	PKT124	31/12	K/C giá vốn dịch vụ	911		9.707.635.461
			Cộng số phát sinh		9.707.635.461	9.707.635.461
			SDCK			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như tiền lãi gửi Ngân hàng;

- Chi phí tài chính của Công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên năm 2018 tại công ty TNHH vận tải Trường Thái không phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

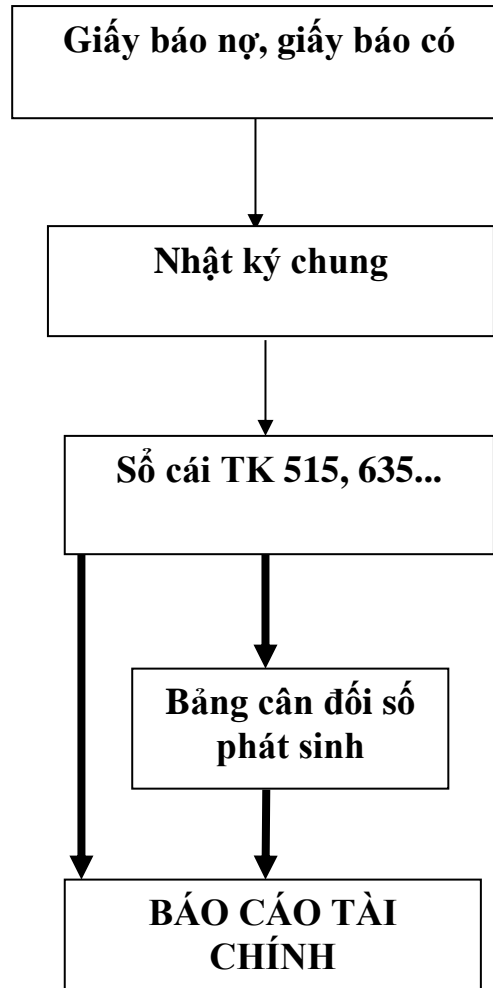
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

VD1: Căn cứ vào giấy báo có số 125 ngày 31/12/2018 ngân hàng Viettin về việc nhận lãi tiền gửi.

Biểu 2.8: Giấy báo có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG



GIẤY BÁO CÓ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi : Công ty TNHH vận tải Trường Thái
MST: 0200683441
Địa chỉ: Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận
Ngô Quyền, Hải Phòng
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :211375919
Loại tiền : VND
Loại tài khoản:
Giao dịch: 125

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	1.231.818
Tổng số tiền	1.231.818

Số tiền bằng chữ: Một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, tám trăm tám mươi đồng.
Trích yếu: Tra lại so dư trên tài khoản – năm 2018

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Từ chứng từ trên kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh và ghi vào nhật ký chung.

Biểu 2.9: Nhật ký chung

Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng				Mẫu số S03a - DNN (Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC ngày 26/8/2016)			
NHẬT KÝ CHUNG Năm 2018							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
1/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	154		5.936.364	
					133	593.636	
					111		6.530.000
1/12	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	154		2.303.000	
					133	224.300	
					111		2.527.300
			
24/12	PC140	24/12	Trả phí dịch vụ chuyển phát nhanh	154			30.000
					111		30.000
			
31/12	GBC12 5	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin 2018	112		1.231.818	
					515		1.231.818
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.231.818	
					911		1.231.818
						
			Cộng phát sinh			43.876.797.692	43.876.797.692
Ngày tháng năm							

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515

Biểu 2.10: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDĐK			
	GBC 125	31/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH Viettin năm 2018	112		1.231.818
	PKT1 23	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 2018	911	1.231.818	
			Cộng số phát sinh		1.231.818	1.231.818
			SDCK			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

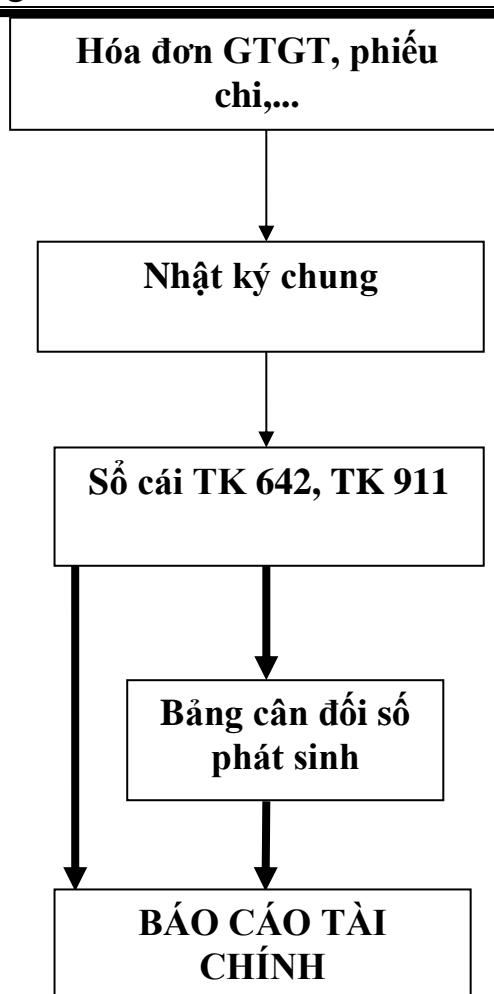
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

VD: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0164555 và PC ngày 10/12/2018 về việc thanh toán tiền internet tháng 11.

Nợ TK 642 : 900.000

Nợ TK 133 : 90.000

Có TK 111 : 990.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.14) và sổ cái TK133, TK111

Biểu 2.11: Hóa đơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT

Mã số thuế: 0101778163

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 10 tháng 12 năm 2018

Tên khách hàng (customer's name): **Công ty TNHH vận tải Trường Thái**

MST: 0200683441

Địa chỉ: Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Cước phí từ ngày		01/11/2018	Đến ngày: 30/11/2018	Chi tiết
STT (No)	Khoản (Items)			Số tiền (amount)
1	Cuoc Thue bao (Monthly Fee)			900.000
	Cộng:			900.000
	Thuế suất: 10%	Thuế GTGT:		90.000
	Tổng cộng tiền thanh toán:			990.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng.				

Ngày 10 tháng 12 năm 2018

Người nộp tiền
(Kí, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch
(Kí, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.12: Phiếu chi 118

Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, HP		Mẫu số 02 - TT (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)		
PHIẾU CHI Ngày 10 tháng 12 năm 2018				
Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Quyên Địa chỉ: Phòng kế toán Lý do chi: Thanh toán tiền internet tháng 11/2018 Số tiền: 990.000 Bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng Kèm theo: chứng từ kế toán Đã nhận đủ số tiền: : Chín trăm chín mươi nghìn đồng.		Số: PC118 Nợ TK: 642; 1331 Có TK: 111		
Ngày 10 tháng 12 năm 2018				
Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký)</i>	Người nhận <i>(Ký)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký)</i>

VD: Ngày 31/12 căn cứ bảng tính lương tháng 12, kế toán lập PKT 121 :
tính lương cho bộ phận quản lý

Biểu 2.13: Phiếu kế toán

<p>Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng</p> <p>PHIẾU KẾ TOÁN 31/12/2018 Số 121</p>				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Tính lương cho bộ phận quản lý tháng 12/2018	642	334	24.732.920
	Cộng			24.732.920
			Ngày	tháng năm
<p>Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p>

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung. căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642

Biểu 2.14: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng				Mẫu số S03b - DNN (Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)		
SỔ CÁI Năm 2018 Loại TK: Chi phí quản lý kinh doanh Số hiệu: 642						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
	
10/12	PC118	10/12	Thanh toán internet tháng 11	111	900.000	
					
31/12	PKT121	31/12	Tính lương cho bộ phận quản lý tháng 12/2018	334	24.732.920	
31/12	PKT124	31/12	K/C chi phí quản lý kinh doanh	911		296.795.037
			Cộng số phát sinh		296.795.037	296.795.037
			SDCK			
Ngày tháng năm						
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

- Tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái năm 2018 có khoản thu nhập khác từ hoạt động thanh lý và nhượng bán tài sản cố định.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý TSCĐ

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 711: Thu nhập khác - Các tài khoản khác có liên quan: 111, 3331

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

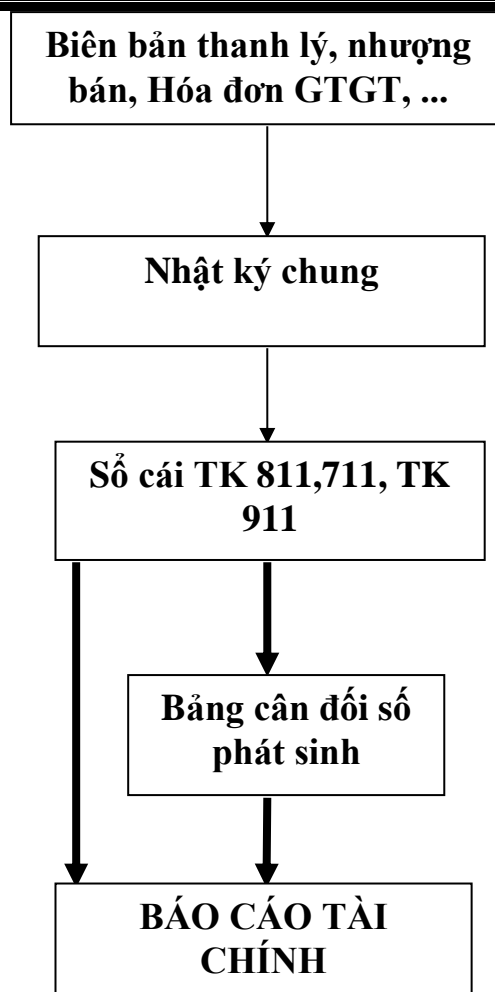
- Tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái năm 2018 có các khoản chi phí từ hoạt động khác là giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý, nhượng bán

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Biên thanh lý, nhượng bán TSCĐ

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 811: Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 214,211.
- * Quy trình hạch toán: Sơ đồ 2.8



Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒

Ví dụ 1: Căn cứ vào biên bản thanh lý ngày 30/11/2018 về việc thanh lý tài sản cố định bàn cân điện tử 5 tấn và các chứng từ có liên quan khác.

Biểu 2.15: Biên bản nhượng bán

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ	
<i>Ngày 30 tháng 11 năm 2018</i>	
- Căn cứ Quyết định số:20 ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Công ty TNHH vận tải Trường Thái về việc thanh lý tài sản cố định	
I. Ban thanh lý TSCĐ gồm	
* Bên thanh lý (Bên A) : Công ty TNHH vận tải Trường Thái	
- Ông: Nguyễn Mạnh	Chức vụ: Giám đốc Trưởng ban
- Ông: Hoàng Văn Long	Chức vụ: Kế toán trưởng Ủy viên
* Bên mua (Bên B): Công ty TNHH TMDV giao nhận vận tải Hà Trung	
Ông: Phạm Hồng Ngọc	Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban
Ông: Ngô Xuân Hình	Chức vụ: NV kinh doanh Ủy viên
II. Tiến hành thanh lý TSCĐ	
- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ:	Cân điện tử.....
- Số hiệu TSCĐ:	CĐT5T.....
- Nước sản xuất(xây dựng):	Đức.....
- Năm sản xuất:
- Năm đưa vào sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ:	104.545.453 đồng.....
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán:	31.808.881.....
- Giá trị còn lại của TSCĐ:	72.736.572.....
III. Kết luận của Ban thanh lý	
TSCĐ Cân điện tử vẫn sử dụng bình thường	
IV> Kết quả thanh lý TSCĐ	
- Chi phí thanh lý TSCĐ:	..0.....(viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi:	74.000.00 (Chưa có thuế GTGT, thuế suất 10%)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018	
ĐẠI DIỆN BÊN A <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	ĐẠI DIỆN BÊN B <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.16: Phiếu thu

Công ty TNHH vận tải Trườn Thái		Mẫu số: 01 - TT		
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, HP		(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)		
PHIẾU THU				
		Ngày 30 tháng 11 năm 2018	Số: PT89	
			Nợ TK: 111	
Họ và tên người nộp:		Nguyễn Tiến Đạt	Có TK: 711, 333	
Địa chỉ:	Công ty TNHH TMDV giao nhận vận tại Hạ Lưng			
Lý do nộp:	Thu tiền thanh lý cân bàn điện tử 5 tấn			
Số tiền:	81.400.000			
Bằng chữ:	Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn			
Kèm theo:	chứng từ kế toán			
Đã nhận đủ số tiền:	Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn			
Ngày 30 tháng 11 năm 2018				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký)	(Ký)	(Ký)	(Ký)

Biểu 2.17: Phiếu kế toán

<p>Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng</p> <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN 30/11/2018 Số 101</p>				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Nhượng bán TSCĐ	811	211	72.736.572
		214	211	31.808.881
	Cộng			104.545.453
<p>Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)</p>			<p>Ngày tháng năm</p>	
<p>Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
30/11	PT89	30/11	Thu về nhượng bán Cabin bàn điện tử 5 tấn	111		81.400.000	
					711		74.000.000
					3331		7.400.000
30/11	PKT101	30/11	Giá trị còn lại của tscđ nhượng bán	811		72.736.572	
				214		31.808.881	
					211		104.545.453
1/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	154		5.936.364	
					133	593.636	
					111		6.530.000
1/12	PC91	01/12	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
			
31/12	PKT123	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		74.000.000	
					911		74.000.000
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		72.736.572	
					811		72.736.572
			Cộng chuyển sang trang		

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Thái

Năm 2018 tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái kết quả kinh doanh bao gồm

- Lợi nhuận hoạt động SXKD
- Lợi nhuận hoạt động tài chính
- Lợi nhuận hoạt động khác

* Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Cuối kỳ (năm) kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định kết quả kinh doanh.

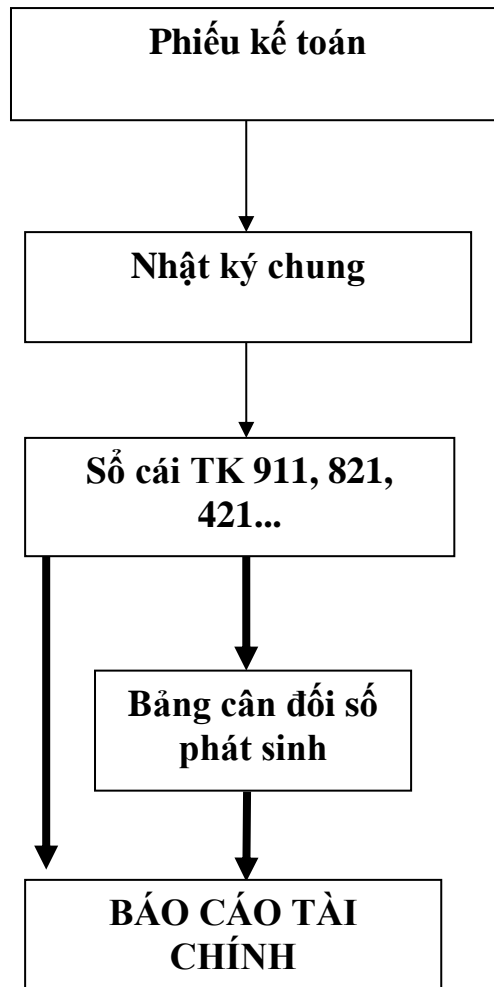
Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = LNH\text{Đ}SXKD + LNH\text{Đ}TC + LNH\text{Đ} \text{ khác}}$$

Cụ thể:

- $LNH\text{Đ}SXKD = \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí QL kinh doanh}$
 $= 10.174.574.356 - 9.707.635.641 - 296.795.038$
 $= 170.143.857$
- $LNH\text{Đ}TC = \text{Doanh thu TC} - \text{Chi phí TC}$
 $= 1.231.818 - 0 = 1.231.818$
- $LNH\text{Đ} \text{ khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$
 $= 74.000.000 - 72.736.572 = 1.263.428$
- $KQKD = 170.143.857 + 1.231.818 + 1.263.428 = 172.639.103$
- Chi phí thuế TNDN = 34.527.821
- LN sau thuế = 138.111.282

2.2.6.2 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Ví dụ minh họa

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2018

Biểu 2.19: Phiếu kế toán

<p>Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng</p> <p>PHIẾU KẾ TOÁN 31/12/2018 Số 123</p>				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	10.174.574.356
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.231.818
3	Thu nhập khác	711	911	74.000.000
	Cộng			10.249.806.174
			Ngày	tháng năm
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.20: Phiếu kế toán

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
31/12/2018
Số 124

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán	911	632	9.707.635.461
2	Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	296.795.038
3	Chi phí khác	911	811	72.736.572
	Cộng			10.077.167.071

Ngày tháng năm

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
31/12/2018
Số 125

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	34.527.821
	Cộng			34.527.821

Ngày tháng năm

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.21: Phiếu kế toán

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
31/12/2018
Số 126

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	34.527.821
	Cộng			34.527.821

Ngày tháng năm

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Công ty TNHH vận tải Trường Thái
Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN
31/12/2018
Số 127

Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển lãi	911	421	138.111.282
	Cộng			138.111.282

Ngày tháng năm

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu 2.22: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
31/12	PTK 125	31/12	Chi phí thuế TNDN hiện hành			3334		34.527.821
31/12	PKT 126	31/12	K/c thuế TNDN			911	34.527.821	
			Cộng số phát sinh				34.527.821	34.527.821
			SDCK					

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Mẫu số S03a-DNN

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
31/12	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		10.174.574.356	
					911		10.174.574.356
31/12	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		1.231.818	
					911		1.231.818
31/12	PKT 123	31/12	K/c Thu nhập khác	711		74.000.000	
					911		74.000.000
31/12	PKT 124	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		9.707.574.356	
					632		9.707.574.356
31/12	PKT 124	31/12	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911		296.795.038	
					642		296.795.038
31/12	PKT 124	31/12	K/c Chi phí khác	911		72.736.572	
					811		72.736.572
31/12	PKT 125	31/12	Chi phí thuế TNDN	821		34.527.821	
					3334		34.527.821
31/12	PKT 126	31/12	K/c Chi phí thuế TNDN	911		34.527.821	
					821		34.527.821
31/12	PKT 127	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		138.111.282	
					421		138.111.282
			Cộng phát sinh				

Ngày tháng năm

Biểu 2.23: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH vận tải Trường Thái

Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016)

SỔ CÁI

Năm 2018

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
31/12	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		10.174.574.356
31/12	PKT 123	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính			515		1.231.818
31/12	PKT 123	31/12	K/c Thu nhập khác			711		74.000.000
31/12	PKT 124	31/12	K/c Giá vốn hàng bán			632	9.707.574.356	
31/12	PKT 124	31/12	K/c Chi phí quản lí kinh doanh			642	296.795.038	
31/12	PKT 124	31/12	K/c Chi phí khác			811	72.736.572	
31/12	PKT 126	31/12	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành			821	34.527.821	
31/12	PKT 127	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN			421	138.111.282	
			Cộng số phát sinh				10.249.806.173	10.249.806.173
			SDCK					

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH vận tải Trường Thái Số 88/148 Cầu Đất, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2018					
Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.174.574.356	10.933.235.441
2	Các khoản giảm trừ	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	10		10.174.574.356	10.933.235.441
4	Giá vốn hàng bán	11		9.707.635.461	10.536.787.981
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		466.938.895	396.447.460
6	Doanh thu hoạt động Tài chính	21		1.231.818	943.824
7	Chi phí Tài chính	22			
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí Quản lý kinh doanh	25		296.795.038	313.747.567
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 =20+ (21-22)-(24+25))	30		71.375.675	83.634.717
10	Thu nhập khác	31		74.000.000	
11	Chi phí khác	32		72.736.572	782.790
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.263.428	(782.790)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		172.639.103	82.851.927
14	Thuế TNDN Hiện hành	51		34.527.821	16.572.185
15	Thuế TNDN Hoãn lại	52			
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52)	60		138.111.282	66.279.742
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty TNHH vận tải Trường Thái**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH vận tải Trường Thái em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm**a. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty**

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản và hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng Thông tư 133 của Bộ Tài chính ban hành ngày 26/8/2016. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ

- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

b. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư 133 ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi cung cấp dịch vụ, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên với hoạt động kinh doanh vận tải giá vốn là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải như xăng dầu, tiền lương của lái xe, khấu hao tài sản cố định,..

- Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 515, 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được lãi vay trong doanh nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ

dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty TNHH vận tải Trường Thái còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán

Công ty TNHH vận tải Trường Thái là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng hoạt động vận tải như vận tải đường bộ, vận tải đường biển,....

❖ Về chính sách bán hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán. Vì công ty kinh doanh dịch vụ vận tải, việc thanh toán sẽ được thực hiện khi kết thúc quá trình cung cấp dịch vụ nên có thể kéo dài thời hạn thanh toán do đó công ty nên đưa ra chính sách cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán khi thanh toán sớm.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Thái

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí trong hoạt động kinh doanh vận tải tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt các kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm vui cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Thái.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH vận tải Trường Thái em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019**

MISA SME.NET 2019 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



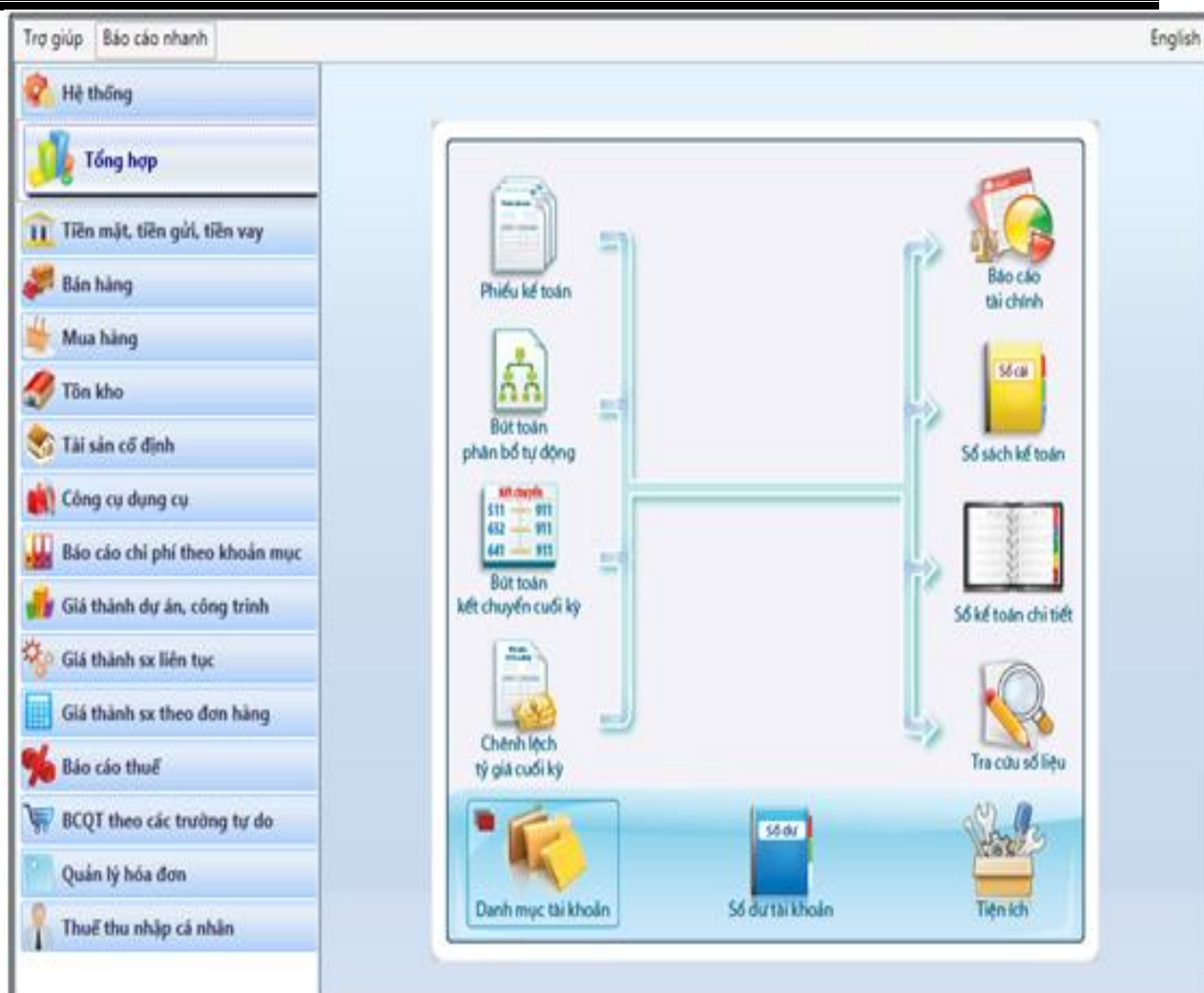
Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2019 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2019 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. MISA SME.NET 2019 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý

Cụ thể

- Gói Starter giới hạn 1.000 chứng từ/năm giá 2.950.000đ: gồm đầy đủ 16 nghiệp vụ quỹ, thủ quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.
- Gói Standard không giới hạn số lượng chứng từ giá 6.950.000đ: gồm 11 nghiệp vụ quỹ, thủ quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, công cụ dụng cụ, tổng hợp
- Gói Professional không giới hạn số lượng chứng từ giá 9.950.000đ: gồm đầy đủ 13 nghiệp vụ quỹ, thủ quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, tổng hợp.
- Gói Enterprise không giới hạn số lượng chứng từ giá 12.950.000đ: gồm đầy đủ 16 nghiệp vụ quỹ, thủ quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.

* Phần mềm kế toán FAST Accounting 11



Giá: 6.000.000 - 12.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

3.2.4.2 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Căn cứ khoản 2 Điều 3 và khoản 1,2,3 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính,

nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp quy định nguyên tắc chung, trích lập và sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

“Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính”.

1. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết,...thì DN dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp hạch toán kế toán tài khoản 2293 “Dự phòng phải thu khó đòi”

Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí. Ghi:

Nợ TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành, căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 131-Phải thu của khách hàng

Có TK 138-Phải thu khác

Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 711- Thu nhập khác

Tại công ty cổ phần TNHH vận tải Trường Thái năm 2018 phát sinh các khoản phải thu khó đòi như sau:

Biểu 3.1:

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TRƯỜNG THÁI

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

(Tính đến 31/12/2018)

STT	Tên Công ty	Số tiền	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty Thành Phát	125.550.000	105.000.000	20.550.000		
2	Công ty SX thiết bị cơ điện Việt-Pháp	64.765.500	25.640.500	39.125.000		
3	Công ty TNHH Ngọc Thành	56.789.987			24.211.819	8 tháng 15 ngày
4	Ông Nguyễn Văn Phú	8.467.850	8.467.850			
		
	Cộng	689.398.526	364.589.340	289.236.093	35.573.093	

Biểu số 3.2:

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG
(TÍNH ĐẾN 31/12/2018)**

STT	Tên Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH Ngọc Thành	24.211.819	8 tháng 15 ngày	30%	7.263.546
	Cộng	24.211.819			7.263.546

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 7.263.546

Có TK 2293: 7.263.546

3.2.4.3 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo từng loại hình dịch vụ tại công ty.

Khi hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng dịch vụ cung cấp nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu của từng loại dịch vụ. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược kinh doanh: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác,... Thông qua doanh thu, giá vốn có thể tính lợi nhuận gộp của từng loại dịch vụ; từ đó đưa ra những chiến lược phát triển theo từng loại hình dịch vụ.

Ví dụ 3.1: Lấy lại ví dụ ở chương 2 cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết doanh thu mở cho từng loại dịch vụ vận tải ví dụ vận tải trong nước hay nước ngoài, vận tải đường bộ, đường sông hay đường biển tùy thuộc vào yêu cầu của nhà quản lý (Biểu 3.3, 3.4).

Biểu 3.3: Sổ chi tiết doanh thu

Đơn vị: Công ty TNHH vận tải Trường Thái

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm: Dịch vụ vận tải đường bộ

Năm: 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng vận tải	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
								
14/12	HĐ 814	14/12	Cước vận chuyển thép cho công ty Việt Pháp	131			66.024.000		
								
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp				10.174.574.356 10.174.574.356 9.707.635.461 466.938.895		

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày....tháng.....năm

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH vận tải Trường Thái

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên sản phẩm: Dịch vụ vận tải đường bộ

Năm: 2018

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 154					
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						Xăng xe	Lương	Sửa chữa	Khấu hao	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	8
			- Số dư đầu kỳ							
			- Số phát sinh trong kỳ							
									
	PC91	1/12	Mua bình ắc quy	111	6.936.364					6.936.364
	PC91	1/12	Mua BH cho xe v/c 16H3346	111	3.303.000					3.303.000
									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		9.707.635.461					
			- Số dư cuối kỳ							

- Sổ này có trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ

Ngày....tháng.....năm

Kế toán trưởng

KẾT LUẬN

Bài khóa luận với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Thái” đã đạt được các kết quả sau:

- Về lý luận: đã trình bày được những vấn đề cơ bản trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Về thực tế: đã mô tả được khá chi tiết công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải Trường Thái theo hình thức Nhật ký chung với số liệu khảo sát năm 2018

Trên cơ sở các nhận xét ưu nhược trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng bài viết đã đưa ra một số kiến nghị sau:

- + Áp dụng phần mềm kế toán
- + Lập dự phòng phải thu khó đòi
- + Hoàn thiện hệ thống sổ sách: mở thêm sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo hướng dẫn – Ths. Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH vận tải Trường Thái, cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH vận tải Trường Thái (2018), *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên mạng internet.